

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà Toseco, Số 2 – Núi Trúc, HN

Mẫu số B02 – DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ III NĂM 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	-	-
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10 = 01 - 02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu	21	VI.26	10,369,609,844	26,206,362,248
- Doanh thu từ hoạt động tài chính			5,753,045,158	17,003,640,562
- Doanh thu từ hoạt động chứng khoán			4,616,564,686	9,202,721,686
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	4,169,005,283	8,266,212,172
- Trong đó: Chi phí mua chứng khoán	23		4,169,005,283	8,266,212,172
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,265,762,790	8,491,140,204
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2,934,841,771	9,446,283,071
11. Thu nhập khác	31			584,745,675
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	584,745,675
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2,934,841,771	10,031,028,746
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	513,120,119	1,762,037,330
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2,421,721,652	8,271,718,217
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			-

Lập, tháng 10 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Trần Tú Lan

Nguyễn Hữu Tùng

Nguyễn Tuấn Anh